



Cơ quan: Ủy ban nhân
dân tỉnh Bạc Liêu, Tỉnh
Bạc Liêu
Thời gian ký: 27.06.2022
16:50:41 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

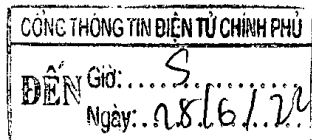
Số: 981 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính
thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của tỉnh Bạc Liêu
(Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước và Kinh doanh khí)



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 34/TTr-SCT ngày 24 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án kiến nghị đơn giản hóa 10 (mười) thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước và Kinh doanh khí thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của tỉnh Bạc Liêu (kèm Phụ lục).

Điều 2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Phương án kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được thông qua tại Quyết định này, xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2022, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo kiến nghị Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 1/6

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, VPCP (để b/c);
- Bộ Công Thương (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TT điện tử tỉnh;
- Trp KSTTHC;
- Lưu: VT; KSTTHC(MN,25).



Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CÁC LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC
VÀ KINH DOANH KHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu)

1. Thủ tục: Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (2.001646.000.00.00.H04)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương”.

Lý do: Vì Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có thể tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó việc yêu cầu nộp “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” khi thực hiện TTHC cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) là không cần thiết và không phù hợp.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 252.656.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 251.030.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.626.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,64%.

2. Thủ tục: Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (2.000626.000.00.00.H04)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”.

Lý do: Vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có thể tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó việc yêu cầu nộp “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” khi thực hiện TTHC cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá là không cần thiết và không phù hợp.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa



- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 152.556.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 150.930.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.626.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,07%.

3. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (2.000142.000.00.00.H04)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh”.

Lý do: Vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có thể tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó việc yêu cầu nộp “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh” khi thực hiện TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG là không cần thiết và không phù hợp.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 38, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 154.083.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 152.356.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.726.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,12%.

4. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (2.000166.000.00.00.H04)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh”.

Lý do: Vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có thể tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó việc yêu cầu nộp “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh” khi thực hiện TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG là không cần thiết và không phù hợp.

4.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 38, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 150.930.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 149.203.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.726.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,14%.

5. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (2.000354.000.00.00.H04)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh”.

Lý do: Vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có thể tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó việc yêu cầu nộp “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh” khi thực hiện TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG là không cần thiết và không phù hợp.

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 38, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 154.183.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 152.556.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.626.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,05%.

6. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai (2.000073.000.00.00.H04)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh”.

Lý do: Vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có thể tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó việc yêu cầu nộp “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh” khi thực hiện TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG là không cần thiết và không phù hợp.

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 40, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 149.303.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 147.677.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.626.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,09%.

7. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn (2.000194.000.00.00.H04)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh”.

Lý do: Vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có thể tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó việc yêu cầu nộp “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh” khi thực hiện TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG là không cần thiết và không phù hợp.

7.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 40, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 149.303.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 147.677.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.626.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,09%.

8. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (2.000196.000.00.00.H04)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh”.

Lý do: Vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có thể tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó việc yêu cầu nộp “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh” khi thực hiện TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG là không cần thiết và không phù hợp.

8.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 40, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 149.303.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 147.677.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.626.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,09%.

9. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải (2.000387.000.00.00.H04)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh”.

Lý do: Vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có thể tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó việc yêu cầu nộp “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh” khi thực hiện TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG là không cần thiết và không phù hợp.

9.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 40, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 149.303.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 147.677.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.626.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,09%.

10. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải (2.000163.000.00.00.H04)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh”.

Lý do: Vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có thể tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó việc yêu cầu nộp “ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh” khi thực hiện TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG là không cần thiết và không phù hợp.

10.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 40, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 149.303.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 147.677.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.626.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,09%./.